

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/DS-ST

Ngày 18-6-2025

“V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Hồ;

Ông Đào Ngọc Ứng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Lài - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1957;

2. Ông Bùi Đại H, sinh năm 1956.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đại H là bà Huỳnh Thị N (hợp đồng ủy quyền ngày 22/11/2024) (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Đại H là ông Lý Ngọc B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đào Thị D (tên gọi khác: Cẩm D1), sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N (bà N đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đại H) trình bày:

Vào tháng 9/2023 con ông bà là anh Bùi Mạnh H1 có cho bà Đào Thị D (tên gọi khác: Cẩm D1) mượn số tiền 65.000.000đồng, không viết biên nhận, nhưng bà D1 hẹn tháng 02 tháng sau sẽ trả lại. Cũng trong khoảng thời gian này thì bà D1 mượn tiền của nhiều khác rồi bỏ địa phương đi đâu không rõ. Đến ngày 07/4/2024 anh H1 bệnh chết. Do anh H1 không có vợ con, nên bà và ông H là người thừa kế quyền lợi của H1 yêu cầu bà D1 trả cho ông bà số tiền còn nợ là 65.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Đào Thị D đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng có tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đào Thị D phải trả cho bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H số tiền vay còn nợ là 65.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn bà Đào Thị D hiện cư trú tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét việc bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H yêu cầu bà Đào Thị D trả cho bà N, ông H số tiền vay còn nợ 65.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N trình bày con của bà là anh H1 có cho bà D vay số tiền 65.000.000đồng, từ sau khi nhận tiền một thời gian thì bà D không trả và bỏ địa phương đi cho đến nay, mặc dù khi vay không viết biên nhận, nhưng vì anh H1 là con trong gia đình bà có biết, chứng kiến anh H1 đưa tiền cho bà D và trước khi chết anh H1 đã nói lại hiện tại bà D vẫn còn nợ số tiền 65.000.000đồng. Tương tự như vay tiền của bà thì sau khi vay mượn tiền của nhiều người trên địa bàn phường A thì bà D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Mặc dù trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án không tiếp xúc, làm việc được với bà D để làm rõ có hay không việc vay số tiền 65.000.000đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu gồm: Biên bản hòa giải cơ sở khóm A, Thông báo của Viện kiểm sát, Công an thành phố H và UBND phường A, với nội dung chung là 14 cá nhân có đơn tố giác tội phạm đối với bà D về các khoản tiền vay, mượn và hui, nhưng do không đủ cơ sở nên các cơ quan nhận đơn đều thông báo không thụ lý hoặc không có dấu hiệu tội hình sự. Vì vậy, 14 cá nhân này, trong đó có bà N đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện bà D có đăng ký thường trú trên địa bàn khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nhưng bà D không có mặt tại địa phương. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã văn bản số 108, ngày 31/3/2025 gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ về việc kiến nghị điều tra xem xét hành vi của bà D có dấu hiệu hình sự hay không. Ngày 12/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ có văn bản phúc đáp hành vi của bà D là giao dịch dân sự, nên không điều tra, khởi tố. Nên căn cứ vào chứng cứ Tòa án thu thập được từ lời khai của ông B – Trưởng khóm A và nội dung biên bản hòa giải ngày 05/7/2024 về việc ông Đào Văn C (là cha của bà D) thống nhất sau khi bán được các tài sản của D thì sẽ thanh toán nợ của bà D đối với 14 cá nhân; đồng

thời nhận thấy sau khi bà D bỏ địa phương đi thì bà N, ông H (và các chủ nợ khác) đã đồng loạt nộp đơn nhiều cơ quan khác nhau để yêu cầu xem xét giải quyết quyền lợi bị xâm phạm, điều này chứng tỏ đã có việc vay mượn tiền giữa anh H1 với bà D nên bà N, ông H mới liên tục nộp đơn yêu cầu xem xét, giải quyết. Riêng đối với bà D có đăng ký thường trú tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nhưng bà D bỏ địa phương, không khai báo đi đâu, nhận thấy đây là hành vi nhằm che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bà D.

Theo khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“2. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc;

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Từ những phân tích chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Đại H là ông Lý Ngọc B đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Đại H và bà Huỳnh Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có căn cứ chấp nhận như nhận định.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[5.1] Buộc bà Đào Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.250.000đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đối với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5.2] Bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 649 và Điều 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H.

Buộc bà Đào Thị D (tên gọi khác: Cẩm D1) có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H số tiền vay còn nợ là 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Đào Thị D chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đào Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.250.000đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Đại H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mai Trinh